TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Tiến;

- Ông Nguyễn Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đại Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp D, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp D, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2021 anh T thường xuyên chơi bời, cờ bạc, sử dụng chất ma tuý và đánh đập vợ con. Tuy nhiên quá trình chung sống chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thể tiếp tục chung sống nên nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 24/3/2010 và Phạm Minh Đ, sinh ngày 29/5/2017. Nếu ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 3 năm 2024, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống theo anh không hạnh phúc do anh có chơi cờ bạc, hiện nay vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý do anh còn thương vợ.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 24/3/2010 và Phạm Minh Đ, sinh ngày 29/5/2017. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị Nguyên cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp nếu giao hai con cho chị N nuôi dưỡng thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của chị Lê Thị N.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Đ, Phạm Anh N cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết

+ Về án phí: Chị N chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N, thấy rằng: Chị Lê Thị N cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T có đánh bạc, sử dụng ma tuý và đánh đập vợ con. Anh Phạm Văn T thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bản thân anh có đánh bạc, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tại biên bản xác minh Công an xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh cho biết vào ngày 24/02/2024 anh T bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Phạm Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có hai con chung tên Phạm Anh N, sinh ngày 24/3/2010 và Phạm Minh Đ, sinh ngày 29/5/2017. Cháu Phạm Anh N có nguyện vọng được sống cùng chị N; bản thân anh T từng sử dụng trái phép chất ma tuý, đánh bạc nên xét thấy cần giao hai con chung cho chị Nguyên nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật. Chị Lê Thị N không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Phạm Anh N, sinh ngày 24/3/2010 và Phạm Minh Đ, sinh ngày 29/5/2017. Ghi nhận chị Lê Thị Nguyên không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005844 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Lê Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA,TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Việt Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Hà